

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2191/2024/DS-ST

Ngày: 30/5/2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Chi

2/ Ông Võ Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Luân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1707/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 2923/2024/QĐST-DS ngày 09/5/2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2924/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Địa chỉ: số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Hà V, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Tầng D Tòa nhà S T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy ủy quyền số 199/2023/GUY-MAFC ngày 23/5/2023 của Công ty T (Việt Nam) và Giấy ủy quyền ngày 20/01/2024 của Công ty L1.

2. Bị đơn: Ông Phạm Hưng L, sinh năm 1998.

Địa chỉ thường trú: A đường C, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 416/2/9 L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có bà Huỳnh Thị Hà V là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 28/9/2022, Công ty T (Việt Nam) (gọi tắt là Công ty T) và ông Phạm Hưng L ký giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3688915 về việc cho ông Phạm Hưng L vay số tiền 26.650.000 đồng, kỳ hạn vay 36 tháng từ ngày 01/11/2022 đến ngày 01/10/2025, hàng tháng trả mỗi kỳ số tiền 1.345.668 đồng vào ngày 01 tây hàng tháng, kỳ cuối cùng trả 1.529.466 đồng, lãi suất 3.67%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% trong hạn, tiền lãi chậm trả là 10%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Phạm Hưng L đã ký kết với Công ty TNHH T (Map life) theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 9284530 ngày 30/9/2022. Sau khi hợp đồng tín dụng được ký kết, ngày 29/9/2022, Công ty T đã giải ngân cho ông Phạm Hưng L qua số tài khoản của ông Phạm Hưng L. Từ sau khi giải ngân cho đến nay ông Phạm Hưng L chỉ thanh toán được 03 kỳ với tổng số tiền gốc và lãi là 4.049.336 đồng. Ngày 31/3/2023 là ngày thanh toán cuối cùng, từ ngày 01/4/2023 đến nay ông Phạm Hưng L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty T.

Công ty T đã liên hệ và đã gửi đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông Phạm Hưng L biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, ông Phạm Hưng L vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho phía Công ty T. Nay Công ty T yêu cầu ông Phạm Hưng L thanh toán cho Công ty T tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2024 là 40.083.842 đồng. Trong đó: nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 25.596.860 đồng; tiền lãi trong hạn: 12.842.227 đồng; tiền lãi quá hạn: 3.686.649 đồng; tiền lãi chậm trả: 958.106 đồng. Ông Phạm Hưng L phải thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 31/5/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phạm Hưng L vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức không thu thập được ý kiến trình bày của ông Phạm Hưng L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: thụ lý đúng quy định theo thẩm quyền, vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng nội dung, thành phần xét xử, đúng thời gian, địa điểm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Công ty T thành viên Công ty T (Việt Nam) khởi kiện bị đơn ông Phạm Hưng L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn có địa chỉ tại thành phố T. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông **Phạm Hưng L** đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông **Phạm Hưng L**.

[3] Về nội dung:

Bị đơn ông **Phạm Hưng L** đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông **Phạm Hưng L** vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông **Phạm Hưng L** đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3.1] Về yêu cầu của nguyên đơn **Công ty T** yêu cầu bị đơn ông **Phạm Hưng L** trả tiền nợ gốc, Hội đồng xét nhận thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3688915 ngày 28/9/2022 giữa **Công ty T** và ông **Phạm Hưng L**, và bản chính phiếu báo nợ ngày 29/9/2022 của **Ngân hàng TMCP K** thể hiện ông **Phạm Hưng L** đã vay của **Công ty T** ASSET số tiền 26.650.000 đồng, với lãi suất 3.67%/tháng, kỳ hạn vay 36 tháng từ ngày 01/11/2022 đến ngày 01/10/2025, trả góp hàng tháng số tiền 1.345.668 đồng vào ngày 01 tây hàng tháng. **Công ty T** đã giải ngân số tiền trên vào tài khoản của ông **Phạm Hưng L** theo với số tiền 25.000.000 đồng, số tiền 1.650.000 đồng còn lại, ông **Phạm Hưng L** nộp phí bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 9284530 ngày 30/9/2022. Việc hai bên ký kết hợp đồng thể hiện ý chí tự nguyện của các bên khi tham gia giao dịch, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định pháp luật. Như vậy, có cơ sở xác định **Công ty T** đã cho ông **Phạm Hưng L** vay với số tiền 26.650.000 đồng. Tính đến ngày 30/5/2024, ông **Phạm Hưng L** còn nợ số tiền nợ gốc 25.596.860 đồng. Việc ông **Phạm Hưng L** không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán trong suốt thời gian dài vừa qua đã vi phạm Điều 8 của Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng trên nên Công ty MIRA E ASSET yêu cầu ông **Phạm Hưng L** thanh toán khoản tiền nợ gốc 25.596.860 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Do ông **Phạm Hưng L** vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/02/2023 **Công ty T** đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 8 của giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3688915 ngày 28/9/2022 là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp quy định với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, **Công ty T** yêu cầu ông **Phạm Hưng L** phải trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/5/2024 gồm: tiền lãi trong hạn 12.842.227 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.686.649 đồng, tiền lãi chậm trả: 958.106 đồng là có căn cứ chấp nhận và ông **Phạm Hưng L** phải thanh toán tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 31/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam).

Buộc ông Phạm Hưng L có nghĩa vụ trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/5/2024 là 43.083.842 đồng, trong đó gồm tiền nợ gốc: 25.596.860 đồng, tiền lãi trong hạn: 12.842.227 đồng, tiền lãi quá hạn: 3.686.649 đồng, tiền lãi chậm trả: 958.106 đồng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3688915 ngày 26/9/2022 giữa Công ty T (Việt Nam) và ông Phạm Hưng L. Trả một lần cho Công ty T (Việt Nam) ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Hưng L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì ông Phạm Hưng L phải chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty T (Việt Nam) thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty T (Việt Nam).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Hưng L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.154.192 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

Công ty T (Việt Nam) không phải chịu án phí. Công ty T (Việt Nam) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 816.017 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0006131 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND TP . Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP . Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Nhung**



